

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu và ông Nguyễn Văn Giới.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Thị Oanh là Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H sinh năm 1988, nơi cư trú xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; người đại diện theo ủy quyền anh Lê Thế Anh sinh năm 1999, nơi cư trú khu 1b, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2022, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn anh Phạm Văn D sinh năm 1982, nơi cư trú khu Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và đại diện theo ủy quyền trình bày có nội dung:

- Về tình trạng hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 21/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đến cuối năm 2010 thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến cuối năm 2012 do cuộc sống khó khăn về kinh tế, anh D với chị H hay cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, dần dần nảy sinh mâu thuẫn và đỉnh điểm đầu năm 2013 anh D với chị H mâu thuẫn căng thẳng khiến hai người sống ly thân nhau cho đến nay, kể từ năm 2013 đến nay anh D không qua lại

thăm nom, hỏi han gì chị H và các cháu. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phạm Văn D.

- *Về con chung*: trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D có hai con chung Phạm Thị Ngọc Hương sinh ngày 03/4/2008 và Phạm Thị Ngọc Huế sinh ngày 20/12/2010, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Phạm Thị Ngọc H và Phạm Thị Ngọc H1 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh D cấp dưỡng 3.000.000^d/tháng cho hai con chung. Tại bản tự khai và phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/5/2023 chị H thay đổi không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, bởi chị H có công việc, nhà cửa ổn định, thu nhập đảm bảo cuộc sống cho ba mẹ con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Văn D không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ cho anh D: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ:

Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của anh D, bà Đ cho biết anh D kết hôn với chị H năm 2008 sinh sống cùng bà tại khu Đ, phường H cho tới năm 2010 vợ chồng chuyển về cư trú xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và tại đây có xảy ra mâu thuẫn khiến anh D phải trở lại xã Hồng Phong năm 2013 sống cùng bà Đ, anh D làm công việc tự do, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi nên mọi thông tin giấy tờ do Tòa án gửi đến, bà Đ thông báo anh D đều nắm được, anh D nói với bà Đ không thể chung sống với chị H nên đồng ý để chị H giải quyết ly hôn đơn phương; anh D với chị H có hai con chung Phạm Thị Ngọc H và Phạm Thị Ngọc H1 hiện đang sinh sống cùng chị H, việc ai nuôi con chung sẽ giải quyết theo quy định pháp luật; còn về tài sản chung, nợ chung chị H và anh D không có.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2023 phó trưởng khu Đông Tân, phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều cung cấp nội dung: anh D với chị H kết hôn với nhau năm 2008 có làm thủ tục theo quy định pháp luật, về chung sống với nhau tại khu Đông Tân, phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều đến khoảng năm 2012 chuyển về tỉnh Thái Nguyên sinh sống được một thời gian thì anh D quay lại khu Đông Tân sinh sống cùng mẹ đẻ, anh D công việc tự do thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi và gia đình vẫn liên lạc với anh D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: chị H giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phạm Văn D, và có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Phạm Thị Ngọc Hương và Phạm Thị Ngọc H cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; quá trình giải quyết tại Tòa, hai cháu Phạm Thị Ngọc H, Phạm Thị Ngọc H có lời khai thể hiện nguyện vọng ở với chị H khi bố mẹ ly hôn; về tài sản chung, nợ chung: chị H xác định không có tài sản chung và khoản nợ chung với anh D nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn D vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ cho anh D quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc ly hôn với anh Phạm Văn D, giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Phạm Thị Ngọc H và Phạm Thị Ngọc H cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều.

[1]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con số: 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H sinh năm 1988, nơi cư trú xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với bị đơn anh Phạm Văn D sinh năm 1982, nơi cư trú khu Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nên Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Ngọc H với anh Phạm Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khó khăn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, khiến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau và sống ly thân với nhau kể từ năm 2013 tới nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có mặt để tham gia hòa giải tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ cho anh D thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án. Cho nên, xác định anh D cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành để về đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: chị H và anh D có hai con chung Phạm Thị Ngọc H sinh ngày 03/4/2008 và Phạm Thị Ngọc H sinh ngày 20/12/2010, tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng 3.000.000^d/tháng cho hai con chung. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/5/2023 chị H thay đổi không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thay đổi của chị H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị H. Hai con chung đang ở cùng chị H, chị H có nguyện vọng trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và hai cháu cũng có nguyện vọng ở với chị H, bản thân chị H có công việc, nhà cửa và thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống của ba mẹ con, trong khi anh D công việc tự do và không thường xuyên ở nhà. Hội đồng xét xử thấy rằng giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Phạm Thị Ngọc H và Phạm Thị Ngọc H là hoàn toàn phù hợp, phù hợp với nguyện vọng các cháu, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5]. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1.1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H

Xử:

1. *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. *Về con chung*:

2.1 Giao chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Phạm Thị Ngọc H sinh ngày 03/4/2008 và Phạm Thị Ngọc H1 sinh ngày 20/12/2010 kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2 anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009893 ngày 16/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chị H đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Phạm Văn D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- UBND phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều (Nơi đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường